

PHỤ LỤC 04**THU HỒI VỀ NGÂN SÁCH TỈNH ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ CHI CHƯA THỰC HIỆN HOẶC HẾT***(Kèm theo Quyết định số 171/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)**ĐVT: triệu
đồng*

STT	Đơn vị/Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	Tổng cộng	21.161,22	
I	Thu hồi về nguồn sự nghiệp khoa học công nghệ tập trung ngân sách tỉnh	636,80	
1	Sở Khoa học và Công nghệ	536,80	
-	Kinh phí thực hiện Kế hoạch hoạt động triển khai ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 1380/QĐ-UBND ngày 17/9/2020)	203,90	
-	Hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 27/6/2020)	243,90	
-	Sở hữu trí tuệ	89,00	
2	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	100,00	
2.1	Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh	100,00	
-	Tọa đàm tư vấn phản biện và giám định xã hội	100,00	
II	Thu hồi về nguồn cải cách tiền lương ngân sách tỉnh	2.249,00	
1	Sở Xây dựng	71,00	
-	Quỹ tiền thưởng	71,00	
2	Sở Y tế	2.119,00	
-	Kinh phí ngân sách nhà nước giảm chi hỗ trợ hoạt động thường xuyên các đơn vị sự nghiệp công lập bổ sung nguồn thực hiện cải cách tiền lương	2.119,00	
3	Sở Nông nghiệp và Môi trường	59,00	
	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ	59,00	
III	Thu hồi về nguồn sự nghiệp giáo dục và đào tạo tập trung ngân sách tỉnh	675,62	
1	Sở Nội vụ	675,62	
-	Kinh phí đào tạo bồi dưỡng CBCC tỉnh Quảng Ngãi (theo quyết định phê duyệt của UBND tỉnh)	-	
-	Kinh phí thi công chức tỉnh Quảng Ngãi, viên chức khác	-	
-	Kinh phí đào tạo sinh viên cử tuyển năm học 2024-2025	225,62	
-	Kinh phí đào tạo, tập huấn khác	450,00	
IV	Thu hồi về nguồn tập trung ngân sách tỉnh	17.599,80	
1	Nguồn thưởng vượt thu năm 2023 tại Quyết định số 756/QĐ-TTg ngày 01/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ	5.500,00	
1.1	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	5.500,00	
-	Kinh phí xây dựng Cổng Thông tin du lịch Quảng Ngãi	5.500,00	
2	Nguồn trung ương BSMT	105,00	
2.1	Sở Nông nghiệp và Môi trường	55,00	
-	Bổ sung chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững	55,00	
2.2	Sở Giáo dục và Đào tạo	50,00	
-	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	50,00	

STT	Đơn vị/Nội dung	Số tiền	Ghi chú
3	Các nội dung, nhiệm vụ khác (Thu hồi về nguồn tập trung ngân sách tỉnh để tập trung nguồn lực đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị cho cấp xã theo đề nghị của Bộ Tài chính tại Công văn số 14388/BTC-NSNN ngày 15 tháng 9 năm 2025)	11.994,80	
3.1	Sở Khoa học và Công nghệ	333,00	
-	Quản trị, vận hành Trung tâm điều hành thông minh tỉnh Quảng Ngãi (IOC)	83,00	
-	Nâng cấp trang thiết bị cho hệ thống Trung tâm dữ liệu tỉnh	250,00	
3.2	Sở Nông nghiệp và Môi trường	8.427,67	
-	Nhiệm vụ phục vụ họp thẩm định ĐTM hàng năm	68,81	
-	Chi sự nghiệp	163,75	
-	Công tác điều tra, cập nhật bộ chỉ số (Cập nhật điều tra, xét nghiệm mẫu nước)	356,00	
-	Công tác truyền thông (Nâng cao năng lực QLVH công trình cấp nước tập trung tuần lễ QG nước sạch VSMTNT, tuyên truyền)	97,00	
-	Giúp đỡ xã Mường Hoong, Ngọc Linh về công tác quản lý vận hành các công trình cấp nước tập trung và công tác xử lý và trữ nước an toàn hộ gia đình	73,00	
-	Hoàn thiện và nhân rộng các mô hình về bảo vệ môi trường theo hướng tập trung tại các xã khó khăn, biên giới	243,00	
-	Tập huấn Bộ chỉ số Theo dõi - Đánh giá nước sạch nông thôn	112,00	
-	KP hỗ trợ xây dựng mô hình "Dân vận khéo"	21,60	
-	Kinh phí hoạt động các Ban chỉ đạo 30a (giảm nghèo)	81,00	
-	Kphí hoạt động Văn phòng điều phối NTM vốn đối ứng (VPĐPNTM KonTum)	135,21	
-	Knh phí đối ứng thực hiện CTNTM (CCPTNT KonTum)	144,99	
-	Kinh phí đối ứng thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị thuộc CTMTQG phát triển KTXH vùng ĐBDT-TS và Miền núi (CCPTNT KonTum)	98,01	
-	Bảo dưỡng trạm bờ quản lý tàu cá	65,00	
-	Quản lý rác thải nhựa và rác thải nhựa đại dương	47,00	
-	Kế hoạch hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	13,00	
-	Nghiên cứu đề xuất khu vực địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ và nhận chìm chất nạo vét ở biển từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa và đường biển trên địa bàn tỉnh	16,00	
-	Truyền thông về biển và đại dương	8,00	
-	Máy trang phục quản lý bảo vệ rừng	184,00	
-	Kinh phí Đại hội Đảng nhiệm kỳ 2025-2030	23,14	

STT	Đơn vị/Nội dung	Số tiền	Ghi chú
-	Chi cho lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách	200,00	
-	Lớp đào tạo nâng cao năng lực, nghiệp vụ về công tác quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh	22,00	
-	Kinh phí thực hiện chi trả chế độ hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến làm việc tại Trung tâm chính trị - hành chính đặt tại tỉnh Quảng Ngãi theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh	25,00	
-	Sửa chữa sân bê tông và cổng cơ quan	146,00	
-	Thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu đề xuất giải pháp tiêu úng, thoát lũ cho vùng hạ lưu sông Phước Giang	97,20	
-	Lập kế hoạch quản lý chất lượng nước mặt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	109,00	
-	Xác định dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối nội tỉnh	109,00	
-	Quan trắc nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	156,02	
-	Quan trắc nước dưới đất trên địa bàn huyện Lý Sơn	273,57	
-	Vận hành Đập dâng, nhà van, cơ khí cửa van, hệ thống vận hành tự động thủy lợi thuộc dự án Đường và cầu từ Tỉnh lộ 671 đi Quốc lộ 14	54,24	
-	Chương trình phát triển thị trường, xúc tiến thương mại đối với sản phẩm nông, lâm, TS	255,80	
-	Thực hiện Đề án thúc đẩy xuất khẩu nông lâm thủy sản đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	72,00	
-	Triển khai thực hiện Đề án phát triển ngành chế biến rau quả trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2022 - 2030	153,00	
-	Điều tra, đánh giá thoái hóa đất	3.657,12	
-	Thực hiện cập nhật cơ sở dữ liệu giá đất	252,96	
-	Kinh phí lấy mẫu nước mặt, nước thải và phân tích mẫu phục vụ công tác quản lý; KP xác định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh, theo quy định tại Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT; Kinh phí thống kê đất đai cấp tỉnh, Kinh phí bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu.....	187,25	
-	Kinh phí thuê bao đường truyền luân chuyển hồ sơ cấp GCN QSD đất; Đường truyền Internet để kết nối Cơ sở dữ liệu đất đai với Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư	82,00	
-	Kinh phí phục vụ may trang phục Kiểm lâm	103,00	
-	Công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật XLVP hành chính	14,00	
-	Kinh phí đảm bảo cho lực lượng xử phạt theo Thông tư 18/TT-BTC ngày 21/3/2023;	66,00	
-	Kinh phí Đại hội Đảng nhiệm kỳ 2025-2030	152,00	
-	Giám định tư pháp về thiệt hại do phá rừng, đốt rừng	37,00	
-	May trang phục ngành kiểm lâm	46,00	
-	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ Nạo vét luồng vào Cảng cá neo trú tàu thuyền Mỹ Á; (Kinh phí được giao tháng 12/2024) chuyển sang 2025 thực hiện	207,00	
3.3	Ban quản lý Vườn quốc gia Chư Mom Ray	10,03	

STT	Đơn vị/Nội dung	Số tiền	Ghi chú
-	Sửa chữa nhà khách, nhà ăn tập thể BQL VQG Chư Mom Ray	10,03	
3.4	Sở Nội vụ	137,00	
-	Thuê quản lý vận hành và bảo dưỡng lưới điện trạm biến áp tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử	11,00	
-	Triển khai chương trình "Công bố tài liệu lưu trữ" của tỉnh Quảng Ngãi theo Quyết định số 1454/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	11,00	
-	Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp bảo hiểm tài liệu lưu trữ theo Kế hoạch số 214/KH-UBND ngày 04/12/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	85,00	
-	Kinh phí học tập kinh nghiệm về công tác lưu trữ	30,00	
3.5	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh	45,00	
-	Thanh toán chi phí thuê đơn vị thẩm định giá trang thiết bị thuộc danh mục mua sắm tập trung	45,00	
3.6	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	221,00	
3.6.1	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin tỉnh	31,00	
-	Chi tiết nội dung: Đại hội thi đua yêu nước Hội NNCĐDC /Dioxin tỉnh Quảng Ngãi và dự Đại hội thi đua yêu nước của Trung ương Hội, - nguồn kinh phí: 12	18,00	
-	Chi tiết nội dung: Đại hội Chi bộ Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin tỉnh Quảng Ngãi, nhiệm kỳ 2025-2030 - nguồn kinh phí: 12	13,00	
3.6.2	Hội Văn học nghệ thuật tỉnh	190,00	
-	Chi phí in Đặc san Sông Trà	100,00	
-	Chi phí tổ chức cho hội viên Mỹ thuật, Nhiếp ảnh đi tham dự Liên hoan ảnh nghệ thuật khu vực và Triển lãm Mỹ thuật khu vực	90,00	
3.7	Sở Tư pháp	951,00	
-	Kinh phí tổ chức Đoàn công tác làm việc với Sở Tư pháp tỉnh Attapur-Lào	50,00	
-	Kinh phí thực hiện quản lý nhà nước đối với công tác thi hành án dân sự	42,00	
-	Kinh phí thực hiện xây dựng mô hình dân vận khéo	24,00	
-	Kinh phí tổ chức Đại hội Đảng bộ Sở Tư pháp nhiệm kỳ 2025-2030	4,00	
-	Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở cho hòa giải viên tại huyện Đăk Glei và huyện Ngọc Hồi	63,00	
-	Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Chứng thực	35,00	
-	Tập huấn cho đội ngũ cán bộ, công chức về công tác QLNN về thi hành án hành chính	11,00	
-	Chi hoạt động hành chính tư pháp và hỗ trợ tư pháp	222,00	
-	Kinh phí triển khai các nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 87/2020/NĐ-CP: Thực hiện số hóa sổ hộ tịch, và đăng ký hộ tịch trực tuyến	58,00	
-	Triển khai tiểu đề án" Giải quyết các vấn đề quốc tịch, hộ khẩu và các giấy tờ tùy thân khác cho người di cư tự do từ Campuchia về nước giai đoạn 2022-2025"	255,00	

STT	Đơn vị/Nội dung	Số tiền	Ghi chú
-	Kinh phí thực hiện cấp phiếu lý lịch tư pháp trên ứng dụng Vneid	72,00	
-	Kinh phí thực hiện thông tư liên tịch số 58/TTLT/2014-BTC-BTP ngày 08/5/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn chế độ quản lý, cấp phát trang phục cho Trợ giúp viên pháp lý.	9,00	
-	Chi phụ cấp cho thành viên Hội đồng phối hợp Liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng.	21,00	
-	Chi hoạt động của Ban chỉ đạo đổi mới nâng cao hiệu quả của giám định tư pháp	85,00	
3.8	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Quảng Ngãi	970,30	
-	Chương trình Xúc tiến đầu tư năm 2025	86,3	
-	Nhiệm vụ Chương trình Đề án Khuyến Công	884	
3.9	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	899,80	
-	Hoạt động Hội đồng nhân dân (Kon tum cũ)	500,00	
-	Chi các kỳ họp HĐND: Chi 02 kỳ họp thường kỳ và các kỳ họp chuyên đề	200,00	
-	Kinh phí thực hiện hỗ trợ CBCC Kon Tum	174,80	
-	Kinh phí Quyết định 532/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của UBND tỉnh bổ sung thực hiện chi trả chế độ hỗ trợ cán bộ, công chức, người lao động trên đại bàn tỉnh Kon Tum đến làm việc tại Trung tâm chính trị - hành chính đặt tại tỉnh Quảng Ngãi	25,00	